



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Công ty) xin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và các chỉ tiêu chính như sau:

Thông tin tài chính

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

- Công ty có: Tổng tài sản và tổng nợ là 1.000 tỷ đồng.
- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xã Hiệp An, Huyện Hiệp An, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (T.Đ. Công nghiệp Hàng Châu) - Quận Dương Kinh, Tỉnh Dương Kinh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (T.Đ. Công nghiệp Thủ Khoa Huân) - Quận Thủ Khoa Huân, Tỉnh Thủ Khoa Huân.

Số điện thoại: 028 3513 0000 (Tổng đài)

Fax: 028 3513 0000 (Tổng đài)

Địa chỉ chính

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) (0) 28 3513 0000 - 028 3513 0118

Fax: (84) (0) 28 3513 0107

Website: www.kh.com.vn

Phương thức liên lạc

Sản phẩm và công nghệ mới được cập nhật thường xuyên và miễn phí truy cập.

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng của Công ty để được hỗ trợ kịp thời và miễn phí. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Chăm sóc khách hàng của Công ty để được hỗ trợ kịp thời và miễn phí.

Để được tư vấn chi tiết xin vui lòng liên hệ Bộ phận Chăm sóc khách hàng của Công ty để được hỗ trợ kịp thời và miễn phí.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2019: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554645 - 028.8553118
- Fax: (84) 028.8564307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 261 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Chí Bình | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019 |
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017
Miễn nhiệm ngày 24/04/2019 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Từ Trung Đan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
Miễn nhiệm ngày 24/04/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/09/2018 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 157/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 03/03/2019 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2019 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Tươi – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.976.413.813	96.850.182.062
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	32.606.762.436	20.228.313.020
1. Tiền	111		10.449.493.826	6.046.284.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.157.268.610	14.182.028.903
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.264.355.050	39.646.930.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.059.561.024	39.587.164.390
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	367.473.100	165.925.010
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.855.849	60.868.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(234.534.923)	(167.027.118)
IV. Hàng tồn kho	140	10	36.555.687.942	35.721.859.122
1. Hàng tồn kho	141		37.399.480.832	36.894.614.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.792.890)	(1.172.755.534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		549.608.385	1.253.079.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	475.790.611	1.104.852.980
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	73.817.774	148.226.251
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.311.555.054	52.396.688.509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.000.000	11.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		29.553.417.636	30.117.051.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.388.964.855	30.113.856.961
- Nguyên giá	222		57.012.124.223	54.348.395.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.623.159.368)	(24.234.538.808)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	164.452.781	3.194.455
- Nguyên giá	228		249.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.547.219)	(26.805.545)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	7.032.611.351	7.302.928.715
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(941.750.817)	(671.433.453)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		400.000.000	940.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	400.000.000	940.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.063.526.067	10.775.708.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	10.063.526.067	10.775.708.378
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.287.968.867	149.246.870.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.388.294.902	38.514.346.454
I. Nợ ngắn hạn	310		38.366.294.902	38.514.346.454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	11.300.119.045	13.206.235.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		305.287.216	857.780.104
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	829.737.484	463.784.036
4. Phải trả người lao động	314		14.971.199.303	15.435.220.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.088.741.306	2.626.912.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	483.670.157	492.917.557
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.387.540.391	5.431.495.509
II. Nợ dài hạn	330		22.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		22.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.899.673.965	110.732.524.117
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	114.899.673.965	110.732.524.117
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	6.476.325.962	6.476.325.962
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	30.641.162.779	26.474.012.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.365.189.000	7.365.189.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.365.189.000	7.365.189.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.287.968.867	149.246.870.571



Ông Giám đốc

Tư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	392.177.333.628	369.548.623.952
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.740.624.049	3.746.378.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		389.436.709.579	365.802.245.392
4. Giá vốn hàng bán	11	25	306.530.347.301	286.595.914.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		82.906.362.278	79.206.330.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.090.143.711	1.077.800.713
7. Chi phí tài chính	22	27	561.634.250	1.050.648.007
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		77.559.346	520.670.699
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	32.329.104.347	29.428.515.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	34.304.961.398	31.989.789.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.800.805.994	17.815.178.198
11. Thu nhập khác	31	29	285.900.178	347.178.313
12. Chi phí khác	32		1.195.661	154.318
13. Lợi nhuận khác	40		284.704.517	347.023.995
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.085.510.511	18.162.202.193
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.709.058.713	1.827.493.121
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.376.451.798	16.334.709.072



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.085.510.511	18.162.202.193
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.716.679.598	3.802.910.990
- Các khoản dự phòng	03	(261.454.839)	(142.543.876)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	49.032	55.597
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(806.405.561)	(969.810.954)
- Chi phí lãi vay	06 27	77.559.346	520.670.699
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	19.811.938.087	21.373.484.649
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.513.317.316	(5.392.841.372)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10 10	(504.866.176)	4.618.943.588
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.060.086.434)	504.369.515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12 16	1.341.244.680	(297.330.825)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(77.559.346)	(520.670.699)*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 18	(1.634.650.236)	(1.863.913.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	172.580.656	97.040.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.060.648.724)	(2.190.340.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.501.269.823	16.328.741.154
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.535.412.554)	(2.525.188.673)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	198.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	799.840.179	819.778.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.735.572.375)	(1.506.500.991)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.931.546.421	40.538.164.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.931.546.421)	(40.538.164.900)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.387.199.000)	(7.371.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.387.199.000)	(7.371.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.378.498.448	7.451.201.163
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	20.228.313.020	12.777.167.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(49.032)	(55.597)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	32.606.762.436	20.228.313.020



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Các đơn vị trực thuộc:
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2019 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo này nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch, có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29,5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	223.674.707	65.637.172
Tiền gửi ngân hàng	10.225.819.119	5.980.646.945
Các khoản tương đương tiền	22.157.268.610	14.182.028.903
Cộng	32.606.762.436	20.228.313.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục	748.011.740	1.155.589.043
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	615.641.898	775.805.800
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	919.388.306	729.225.487
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	530.253.065	36.011.119
Công ty TNHH MTV Nam Gia	2.979.578.036	5.029.881.778
Các đối tượng khác	27.266.687.979	31.860.651.163
Cộng	33.059.561.024	39.587.164.390

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	748.011.740	1.155.589.043
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	615.641.898	775.805.800
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	919.388.306	729.225.487
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	240.274.115	362.831.554
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	61.003.500	110.081.718
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	530.253.065	36.011.119
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	97.177.938	-
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con	364.600	-
Cộng		3.212.115.162	3.169.544.721

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Phần Mềm Bravo	206.270.000	109.500.000
Các đối tượng khác	161.203.100	56.425.010
Cộng	367.473.100	165.925.010

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	54.827.496	-	48.262.114	-
Tạm ứng	-	-	8.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	-	-	105.000	-
Phải thu khác	17.028.353	-	4.501.293	-
Cộng	71.855.849	-	60.868.407	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(121.401.140)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(180.874.954)	(45.625.978)
- Từ 3 năm trở lên	(53.659.969)	-
Cộng	(234.534.923)	(167.027.118)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.194.723.304	(38.174.989)	9.804.187.574	(50.818.873)
Chi phí SX, KD dở dang	1.277.513.888	-	1.056.514.179	-
Thành phẩm	11.412.513.821	(65.526.078)	10.043.572.201	(149.528.242)
Hàng hóa	15.514.729.819	(740.091.823)	15.990.340.702	(972.408.419)
Cộng	37.399.480.832	(843.792.890)	36.894.614.656	(1.172.755.534)

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2019 là 996.833.209 đồng;
- Tại thời điểm 31/12/2019 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.531.778.408	9.524.513.399	6.184.185.454	1.107.918.508	54.348.395.769
Mua sắm trong năm	-	879.253.000	1.692.740.909	91.734.545	2.663.728.454
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối năm	37.531.778.408	10.403.766.399	7.876.926.363	1.199.653.053	57.012.124.223
Khấu hao					
Số đầu năm	12.663.851.350	7.757.570.245	3.018.468.150	794.649.063	24.234.538.808
Khấu hao trong năm	1.362.015.276	934.143.248	946.903.920	145.558.116	3.388.620.560
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	14.025.866.626	8.691.713.493	3.965.372.070	940.207.179	27.623.159.368
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.867.927.058	1.766.943.154	3.165.717.304	313.269.445	30.113.856.961
Số cuối năm	23.505.911.782	1.712.052.906	3.911.554.293	259.445.874	29.388.964.855

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019;

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 9.875.408.851 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm website	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	30.000.000	-	30.000.000
Mua trong năm	-	219.000.000	219.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	30.000.000	219.000.000	249.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	26.805.545	-	26.805.545
Khấu hao trong năm	3.194.455	54.547.219	57.741.674
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	30.000.000	54.547.219	84.547.219
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.194.455	-	3.194.455
Số cuối năm	-	164.452.781	164.452.781

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 30.000.000 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.974.362.168
Tặng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	7.974.362.168
Khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	671.433.453
Khấu hao trong năm	270.317.364
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	941.750.817
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	7.302.928.715
Số cuối năm	7.032.611.351

Bất động sản đầu tư là 1 phần của tòa nhà tại số 780 Nguyễn Kiệm, sử dụng để cho Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông (Công ty con) thuê làm cơ sở dạy học.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Công trình tại 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	400.000.000
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	-	540.000.000
Cộng	400.000.000	940.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019				01/01/2019				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con									
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	276.000	2.760.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác									
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					3.250.000.000	-		3.250.000.000	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2019 của các công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	55.239.731	292.338.668
Chi phí sửa chữa	46.469.138	429.587.788
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	374.081.742	382.926.524
Cộng	475.790.611	1.104.852.980

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	555.084.643	503.945.101
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.008.755.619	7.198.181.451
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	1.996.480.373	2.027.730.976
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	300.997.897	993.704.265
Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương	137.593.950	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	64.613.585	52.146.585
Cộng	10.063.526.067	10.775.708.378

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	114.740.100	425.142.780
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	133.154.861	77.723.664
Công ty CP ĐT và Phát triển Giáo dục Phương Nam	134.949.623	32.045.241
Các đối tượng khác	10.917.274.461	12.671.324.213
Cộng	11.300.119.045	13.206.235.898

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	114.740.100	425.142.780
Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục VN	Công ty đầu tư	56.655.300	-
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	133.154.861	77.723.664
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	40.313.575	39.165.465
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	134.949.623	32.045.241
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	23.100.814
Công ty CP Đầu tư PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	11.180.000	-
Cộng		490.993.459	597.177.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải trả	Phải thu			Phải trả	Phải thu
Thuế GTGT	177.982.867	-	3.882.667.025	3.536.065.614	524.584.278	-
Thuế nhập khẩu	-	-	9.741.439	9.741.439	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	148.226.251	1.709.058.713	1.634.650.236	-	73.817.774
Thuế thu nhập cá nhân	285.801.169	-	1.806.185.233	1.786.833.196	305.153.206	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.753.044.803	6.753.044.803	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	463.784.036	148.226.251	14.169.697.213	13.729.335.288	829.737.484	73.817.774

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	2.018.741.306	2.327.772.864
Các khoản khác	70.000.000	299.140.000
Cộng	2.088.741.306	2.626.912.864

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	224.000.000	203.000.000
Cổ tức phải trả	19.107.557	41.117.557
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	240.562.600	248.800.000
Cộng	483.670.157	492.917.557

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	21.588.170.127	7.365.189.000
Tăng trong năm	-	-	-	4.885.842.804	16.334.709.072
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.334.709.072
Số dư tại 31/12/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	26.474.012.931	7.365.189.000
Số dư tại 01/01/2019	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	26.474.012.931	7.365.189.000
Tăng trong năm	-	-	-	4.167.149.848	15.376.451.798
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.376.451.798
Số dư tại 31/12/2019	56.655.300.000	13.761.696.224	6.476.325.962	30.641.162.779	7.365.189.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.365.189.000	7.365.189.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	15.376.451.798	16.334.709.072
Phân phối lợi nhuận	15.376.451.798	16.334.709.072
+ Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	7.365.189.000	7.365.189.000
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
+ Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	8.011.262.798	8.969.520.072
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.167.149.848	4.885.842.804
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.075.290.360	3.266.941.814
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	768.822.590	816.735.454
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.365.189.000	7.365.189.000

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 24/04/2019.

d. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 24/04/2019 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức này trong năm 2019.
- Ngày 23/12/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT thông qua tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền là 13%/ Vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt là 07/01/2020 và ngày chi trả từ ngày 16/01/2020.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2019	01/01/2019
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	206.352.562.939	184.182.414.897
Doanh thu thiết bị giáo dục	177.689.026.434	178.163.945.918
Doanh thu khác	8.135.744.255	7.202.263.137
Cộng	392.177.333.628	369.548.623.952

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
Hàng bán bị trả lại	2.740.624.049	3.746.378.560
Cộng	2.740.624.049	3.746.378.560

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn sách và sản phẩm in	183.542.807.587	162.792.925.304
Giá vốn thiết bị giáo dục	116.817.635.994	118.360.339.223
Giá vốn khác	6.498.866.364	5.556.806.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(328.962.644)	(114.155.861)
Cộng	306.530.347.301	286.595.914.975

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	333.605.561	308.811.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	472.800.000	500.400.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	283.693.223	268.244.620
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.819	312.902
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	11.108	31.711
Cộng	1.090.143.711	1.077.800.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	77.559.346	520.670.699
Chiết khấu thanh toán nhanh	484.000.000	529.890.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.764	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	60.140	87.308
Cộng	561.634.250	1.050.648.007

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	16.905.552.207	15.799.262.390
Khấu hao TSCĐ	472.558.393	396.631.029
Chi phí vận chuyển	2.959.736.028	3.117.449.310
Tiền thuê đất	3.845.572.272	1.635.982.560
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.092.794.173	6.402.863.045
Các khoản khác	2.052.891.274	2.076.326.920
Cộng	32.329.104.347	29.428.515.254

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, trích theo lương	19.906.551.398	18.909.857.785
Khấu hao TSCĐ	1.037.437.589	963.946.142
Thù lao HĐQT	804.000.000	853.000.000
Tiền thuê đất	663.392.253	725.643.552
Các khoản khác	11.893.580.158	10.537.342.192
Cộng	34.304.961.398	31.989.789.671

29. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	160.599.474
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	227.789.438	123.370.584
Thanh lý phế liệu	13.436.823	18.024.088
Các khoản khác	44.673.917	45.184.167
Cộng	285.900.178	347.178.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.085.510.511	18.162.202.193
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	21.936.963.981	18.337.419.401
- Hoạt động không được ưu đãi	(4.851.453.470)	(175.217.208)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.076.618	112.729.020
Điều chỉnh tăng	477.887.726	613.160.731
- Chi phí không được trừ	477.827.586	613.073.423
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	60.140	87.308
Điều chỉnh giảm	472.811.108	500.431.711
- Cổ tức lợi nhuận được chia	472.800.000	500.400.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	11.108	31.711
Tổng thu nhập chịu thuế	17.090.587.129	18.274.931.213
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	17.090.587.129	18.274.931.213
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.709.058.713	1.827.493.121
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	1.709.058.713	1.827.493.121
- Hoạt động không được ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.709.058.713	1.827.493.121
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.709.058.713	1.827.493.121

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.975.629.419	44.264.665.288
Chi phí nhân công	46.804.383.950	47.038.573.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.446.362.234	3.532.593.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.656.293.040	21.621.448.506
Chi phí khác bằng tiền	7.650.499.393	7.933.959.856
Cộng	129.533.168.036	124.391.240.985

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng, khách hàng lẻ mua tại cửa hàng phải thanh toán khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.300.119.045	-	11.300.119.045
Chi phí phải trả	2.088.741.306	-	2.088.741.306
Phải trả khác	483.670.157	22.000.000	505.670.157
Cộng	13.872.530.508	22.000.000	13.894.530.508

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.206.235.898	-	13.206.235.898
Chi phí phải trả	2.626.912.864	-	2.626.912.864
Phải trả khác	492.917.557	-	492.917.557
Cộng	16.326.066.319	-	16.326.066.319

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.606.762.436	-	32.606.762.436
Phải thu khách hàng	32.825.026.101	-	32.825.026.101
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	71.855.849	12.000.000	83.855.849
Cộng	65.503.644.386	502.000.000	66.005.644.386

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.228.313.020	-	20.228.313.020
Phải thu khách hàng	39.420.137.272	-	39.420.137.272
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	52.868.407	11.000.000	63.868.407
Cộng	59.701.318.699	501.000.000	60.202.318.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng làm việc, văn phòng cho thuê, cửa hàng kinh doanh và nhà trưng bày sản phẩm; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018
Mua hàng			
NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	-	43.393.527
Công ty CP Sách TB GD Miền Nam	Cung ứng SGK, STK, bia	105.901.131.070	86.007.044.461
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	-
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	36.137.500	77.000.000
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng sách, VHP	46.941.647.323	43.065.711.956
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bàn đồ	2.238.788.112	3.018.929.413
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	131.148.110	163.758.900
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Cung ứng STK	18.559.695.275	17.419.947.299
Bán hàng			
Công ty Sách Thiết Bị GD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm, dịch vụ lắp đặt	6.777.707.794	5.865.560.117
Nhà xuất bản GD tại TP HCM	Thiết bị	111.823.721	89.858.154
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	556.836.138	524.312.925
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	6.149.204.548	4.032.185.188
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Sách, TB, thuê mặt bằng	5.320.051.928	5.158.728.675
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	148.974.498	198.059.502
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	1.633.018.250	1.196.051.266
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Thiết bị	2.171.287.804	2.569.477.740
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	4.285.260.534	4.733.699.455
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Mua thiết bị	158.212.400	

c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018
Hội đồng quản trị	Thù lao	812.237.400	1.035.200.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	2.339.066.600	1.948.197.800

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức bằng tiền mặt năm 2019 với tỷ lệ 13% vào ngày 07/01/2020; Thời gian thực hiện ngày 16/01/2020. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Lư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2020